

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 20/6/2023

“*V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Thanh Huệ và bà Hồ Thị Thu Uyên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H; Địa chỉ: Thôn H, xã T H, huyện Đ S, tỉnh Đăk Nông - Có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: bà Trần Thị V; Địa chỉ: Thôn H, xã T H, huyện Đ S, tỉnh Đăk Nông - Có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày: Ông Phạm Văn H và bà Trần Thị V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 khi đến chung sống với nhau chúng tôi hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc chúng tôi. Quá trình chung sống như vợ chồng với bà V thì chúng tôi có hai con chung là cháu Phạm Văn N, sinh năm 1991 và cháu Phạm Thị Ng, sinh năm 1995.

Từ năm 2012 trở lại đây thì giữa tôi và bà V xảy ra nhiều mâu thuẫn như cãi vã nhau thường xuyên, bất đồng trong quá trình chung sống với nhau và từ đó chúng tôi không còn chung sống cùng nhau. Hiện tại tôi và bà V không còn tình cảm gì và không còn chung sống với nhau nên tôi mới làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa tôi với bà V.

Về con chung: đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị V trình bày:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị V theo quy định nhưng bà Trần Thị V không về Tòa án làm việc. Tại phiên tòa ngày hôm nay bà V có mặt tại phiên tòa và trình bày: Tôi và ông Phạm Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 khi đến chúng sống với nhau chúng tôi hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc chúng tôi. Quá trình chung sống như vợ chồng với ông H thì chúng tôi có hai con chung là cháu Phạm Văn N, sinh năm 1991 và cháu Phạm Thị Ng, sinh năm 1995. Từ năm 2012 trở lại đây thì giữa tôi và ông H xảy ra nhiều mâu thuẫn như cãi vã nhau thường xuyên, bất đồng trong quá trình chung sống với nhau và từ đó chúng tôi không còn chung sống cùng nhau. Hiện tại tôi và ông H không còn tình cảm gì và không còn chung sống với nhau nên ông H mới làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa tôi với ông H. Tôi đồng ý nội dung đơn của ông H.

Kết quả thu thập chứng cứ: Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, được đại diện chính quyền địa phương cung cấp cho biết: Trong quá trình chung sống tại địa phương, ông H và bà V không báo với địa phương về việc mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, tại địa phương và gia đình thấy hiện nay không thấy ông H và bà V chung sống cùng nhau.

Phản tranh luận tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng; bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không về Tòa án làm việc nên việc HĐXX tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về tố tụng: Đảm bảo đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Không công nhận ông Phạm Văn H và bà Trần Thị V là vợ chồng.

Về án phí: ông Phạm Văn H chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào đơn khởi kiện Tòa án đã triệu tập các đương sự trong vụ án lên làm việc; tiến hành xác minh, giao các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng theo quy định; đã tiến hành mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án nên Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Phiên tòa lần thứ nhất bà Trần Thị V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay bà Trần Thị V có mặt nên Tòa án xét xử vụ án theo quy định. Bà Trần Thị V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã T H, huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS;

* *Về nội dung tranh chấp và quan hệ pháp luật:* Theo đơn của ông Phạm Văn H trình bày: ông Phạm Văn H và bà Trần Thị V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông H và bà V có hai con chung là anh Phạm Văn N, sinh năm 1991 và chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1995 đã trưởng thành. Nhưng do quá trình chung sống không hòa hợp, nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã và không thể hàn gắn nên ông và bà đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay ông H cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự;

* *Nhận định của Hội đồng xét xử về nội dung vụ án:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Văn H và bà Trần Thị V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và không đăng ký kết hôn. Tại khoản 7 Điều 3 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “ Chung sống như vợ chồng là việc nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng”.

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và ly thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Hai bên đã cố gắng hòa giải, hàn gắn hôn nhân nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông H và bà V đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay.

Điều này cho thấy mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 không công nhận ông Phạm Văn H và bà Trần Thị V là vợ chồng.

Theo khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “ Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”;

[2] Về con chung gồm anh Phạm Văn N, sinh năm 1991 và chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1995 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về tài sản chung: Không có không yêu cầu;

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: ông Phạm Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Nhưng do ông Phạm Văn H thuộc diện người cao tuổi và xin HĐXX miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nên cần miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Phạm Văn H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Văn H và bà Trần Thị V là vợ chồng.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Phạm Văn H theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

PHẠM VĂN QUÂN